

Số: 691/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo
trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định 31/CP ngày 4/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ĐHTN ngày 22/4/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

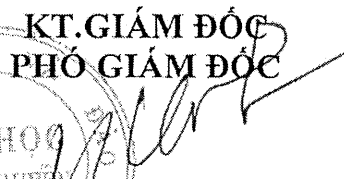
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng của Đại học Thái Nguyên, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các khoa trực thuộc, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *St22*

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Website ĐHTN;
- Lưu: VT, ĐT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

PGS. TS. Trần Viết Khanh

QUY ĐỊNH

Phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Đại học Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 691./QĐ-ĐHTN ngày 17 tháng 4 năm 2018
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

Chương I

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học, bao gồm: Xây dựng chương trình đào tạo mới; rà soát, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới chương trình đào tạo đối với các Cơ sở giáo dục đại học thành viên (CSGDĐHTV), các khoa trực thuộc và Phân hiệu Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) tại tỉnh Lào Cai (sau đây được gọi là: các cơ sở đào tạo).

Điều 2. Các khái niệm, thuật ngữ

1. Quy trình đào tạo bao gồm xây dựng và áp dụng chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và học tập (kể cả nghiên cứu khoa học), thực thi chương trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp.

2. *Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Expected Learning Outcome)* là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở giáo dục cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

3. *Chương trình đào tạo (Programme)* ở một trình độ cụ thể của một ngành học bao gồm: mục tiêu, chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

4. *Chương trình dạy học (Curriculum)* của một chương trình đào tạo ở một trình độ cụ thể bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng của chương trình đào tạo và mỗi học phần.

5. *Các bên liên quan* đến cơ sở giáo dục bao gồm người học, giảng viên, nhân viên, đội ngũ lãnh đạo và quản lý, nhà sử dụng lao động, các đối tác, gia đình người học, nhà đầu tư, cơ quan quản lý trực tiếp, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

6. *Triết lý giáo dục* là một tập hợp các quan điểm cốt lõi định hướng mục tiêu giáo dục, nội dung và phương pháp dạy học, vai trò của giảng viên và người học trong hoạt động giáo dục.

Chương II

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 3. Nguyên tắc phát triển chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo phải thể hiện được triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo.
2. Chương trình đào tạo phải được xây dựng phù hợp với khung trình độ quốc gia.
3. Chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng.
4. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau; có cấu trúc, trình tự logic.
5. Số tín chỉ của học phần nên được thiết kế từ 3 tín chỉ trở lên, trừ các học phần thực hành, thí nghiệm.
6. Đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Chương trình đào tạo tích hợp phát triển các kỹ năng, phẩm chất đạo đức qua nội dung từng học phần và nhóm học phần theo trình tự giảng dạy các học phần thể hiện qua bảng đối chiếu chuẩn đầu ra từng học phần, từng khối kiến thức đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
7. Xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra (hình thức, phương pháp, thời lượng, thời hạn, kỹ thuật kiểm tra đánh giá), phù hợp với đặc thù của từng học phần trong tiến trình của toàn khóa đào tạo.
8. Có sự tham gia, đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Điều 4. Các bước xây dựng chương trình đào tạo

Các bước tiến hành xây dựng chương trình đào tạo bao gồm:

a) Bước 1: Thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập Tổ soạn thảo chương trình đào tạo và chỉ định Tổ trưởng Tổ soạn thảo xây dựng chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Khoa chuyên môn trực thuộc. Thành phần Tổ soạn thảo chương trình đào tạo là những người am hiểu về ngành/ chuyên ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: Đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giảng viên đúng ngành/ chuyên ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục và các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành/ chuyên ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/ cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành/ chuyên ngành. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Tổ soạn thảo.

b) Bước 2: Tổ soạn thảo nghiên cứu các chương trình đào tạo hiện hành của ngành (của các trường có uy tín trong nước và nước ngoài), tham khảo ý kiến chuyên gia, xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra (CĐR) dự kiến (*Phụ lục 1*) và khung chương trình đào tạo với các khối kiến thức các môn học trong từng khối kiến thức và mối liên hệ giữa các môn học. Sản phẩm của bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 1*.

c) Bước 3: Tổ soạn thảo thảo luận thiết kế phiếu điều tra (*điều tra nhu cầu nguồn nhân lực, mục tiêu, chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo - Phụ lục 2, Phụ lục 3*), lập kế hoạch điều tra khảo sát, xác định thông tin cần thu thập, các đối tượng và thời gian điều tra khảo sát, dự toán kinh phí điều tra khảo sát và tiến hành điều tra khảo sát các nhóm đối tượng có liên quan (*như đối tượng điều tra khảo sát CĐR của chương trình đào tạo, điều tra khảo sát cùng CĐR - Quy trình xây dựng CĐR được thực hiện theo Quy định của ĐHTN*). Trên cơ sở xử lý phiếu điều tra và thông tin liên quan, hoàn thành *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

d) Bước 4: Tổ chức xây dựng CĐR cho từng môn học trong *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2* theo CĐR của chương trình đào tạo đã được phê duyệt theo trình tự sau:

- Chủ nhiệm khoa tổ chức hội thảo về xây dựng CĐR cho các học phần trong chương trình.

- Từ CĐR của chương trình, Trưởng bộ môn tổ chức xây dựng CĐR cho từng học phần.

- Chủ nhiệm khoa tổ chức họp Hội đồng khoa học đào tạo đánh giá CĐR các học phần.

- Trưởng bộ môn tổ chức điều chỉnh CĐR của học phần theo kết luận của Hội đồng khoa học đào tạo.

Kết quả của bước này là *Chuẩn đầu ra tích hợp trong các học phần, thể hiện đóng góp của các học phần cho việc hình thành chuẩn đầu ra* của chương trình đào tạo đề xuất liên quan đến chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (*Phụ lục 4*).

đ) Bước 5: Hội đồng khoa học đào tạo của khoa xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần để đạt CĐR một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo, đây là cơ sở để hoàn thiện *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

e) Bước 6: Trưởng bộ môn tổ chức thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo CĐR các học phần của chương trình đào tạo.

g) Bước 7: Chủ nhiệm khoa tổ chức hội thảo rộng rãi để lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia, đại diện cơ sở tuyển dụng sinh viên tốt

nghiệp, giảng viên, sinh viên và cựu sinh viên... và hoàn thiện chương trình đào tạo nói trên. Sản phẩm bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 3*.

h) Bước 8: Hội đồng cấp cơ sở đào tạo thẩm định, đối chiếu chương trình đào tạo với CDR, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và góp ý hoàn chỉnh chương trình đào tạo ứng với việc định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo. Sản phẩm của bước này là *Chương trình đào tạo hoàn chỉnh*.

k) Bước 9: Thủ trưởng cơ sở đào tạo trình Giám đốc ĐHTN thẩm định cấp đại học và phê duyệt chuyên ngành đào tạo mới (*Mẫu đề án theo Phụ lục 5*) đối với các chương trình đào tạo thuộc các mã ngành đã được ĐHTN giao nhiệm vụ đào tạo. Đối với các chương trình đào tạo thuộc mã ngành đề nghị mở mới, cơ sở đào tạo lập đề án mở ngành theo quy định tại Quyết định số 1976/ĐT-ĐHTN ngày 19/9/2017 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Giám đốc ĐHTN.

Điều 5. Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo

1. Thẩm định cấp cơ sở đào tạo (cấp cơ sở)

a) Hồ sơ:

- Bản đề án xây dựng mới chương trình đào tạo.
- Biên bản hội thảo góp ý xây dựng CDR, xây dựng chương trình đào tạo.
- Danh sách dự kiến thành viên Hội đồng thẩm định, trong đó có các chuyên gia trong và ngoài đơn vị đại diện của cơ sở sử dụng sinh viên tốt nghiệp.

b) Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức thẩm định.

c) Nhóm chuyên gia hoàn thiện chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định và nộp cho cơ sở đào tạo chậm nhất là 2 tuần kể từ ngày nghiệm thu.

2. Thẩm định cấp ĐHTN

Được thực hiện đối với mở ngành đào tạo mới

a) Hồ sơ:

- Tờ trình xin thẩm định chương trình đào tạo.
- Đề án xây dựng hoặc hoàn thiện chương trình đào tạo.
- Biên bản nghiệm thu cấp cơ sở, có ghi rõ kết quả kiểm phiếu.
- Các bản nhận xét của các phản biện tại Hội đồng thẩm định cấp cơ sở.
- Ý kiến đánh giá của Hội đồng khoa học đào tạo cấp khoa; các ý kiến đánh giá từ các chuyên gia trong và ngoài đơn vị.

- Danh sách đề nghị 05 thành viên ngoài ĐHTN (chưa tham gia Hội đồng thẩm định cấp cơ sở) tham gia Hội đồng thẩm định cấp ĐHTN.

b) Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp đại học, tổ chức thẩm định.

c) Thủ trưởng cơ sở đào tạo hoàn thiện chương trình đào tạo theo góp ý của Hội đồng cấp ĐHTN và nộp cho ĐHTN (qua Ban Đào tạo) chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày thẩm định.

Điều 6. Rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới nội dung chương trình đào tạo

1. Hàng năm các đơn vị phải rà soát, cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo. Tuy nhiên, phải đảm bảo chương trình đào tạo phải giữ tương đối ổn định cho toàn khóa học. Việc cập nhật, điều chỉnh chương trình đào tạo được thực hiện theo Khoản 3, Điều này hoặc theo quy trình rút gọn và tổ chức đơn giản hơn, tùy theo mức độ sửa đổi, cập nhật đổi mới chương trình đào tạo.

Hết mỗi khóa học, Trưởng khoa chuyên môn hoặc Trưởng bộ môn trực thuộc cơ sở đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo để đổi mới chương trình đào tạo. Việc đổi mới chương trình đào tạo được thực hiện theo Khoản 3, Điều này.

2. Việc đánh giá chương trình đào tạo cần các minh chứng về dữ liệu đầu vào, các quy trình và các dữ liệu đầu ra. Dữ liệu đầu vào gồm CĐR, chương trình đào tạo, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá, hiện trạng sử dụng cơ sở vật chất và các nguồn lực khác. Các quy trình bao gồm quy trình giảng dạy, kiểm tra, đánh giá... Các dữ liệu đầu ra gồm kết quả học tập, việc làm của sinh viên và hướng phát triển, mức độ đạt CĐR của toàn bộ chương trình đào tạo. Thu thập các minh chứng phục vụ cho đánh giá chương trình đào tạo thông qua:

a) Tài liệu liên quan đến chương trình đào tạo (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình, đề cương học phần, cơ sở vật chất, phương pháp giảng dạy và học tập);

b) Phỏng vấn cá nhân và phỏng vấn theo nhóm;

c) Sử dụng phiếu điều tra;

d) Nhật ký giảng dạy;

e) Sử dụng các chuyên gia đánh giá ngoài;

f) Theo dõi kết quả học tập của sinh viên theo thời gian.

Các minh chứng kể trên được thu thập thường xuyên và sử dụng trong việc tự đánh giá và đánh giá hàng năm để rà soát, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới nội dung chương trình đào tạo.

3. Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới chương trình theo các bước sau:

a) Bước 1: Lập kế hoạch rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và đổi mới chương trình đào tạo;

b) Bước 2: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật, điều chỉnh, đổi mới chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; tham khảo các chương trình đào tạo của các trường có uy tín trong và ngoài nước; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn...);

c) Bước 3: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật đổi mới chương trình đào tạo (*Phiếu khảo sát có nội dung tương tự Phụ lục 2*);

d) Bước 4: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo chương trình đào tạo và trình Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa xem xét thông qua;

đ) Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Kế hoạch, tổ chức thực hiện

1. Ban Đào tạo ĐHTN có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở đào tạo phát triển chương trình đào tạo, làm đầu mối phối hợp với Ban Khảo thí & Đảm bảo chất lượng giáo dục, Ban Kế hoạch Tài chính, Ban Tổ chức cán bộ, Ban Cơ sở vật chất và các ban chức năng có liên quan tổ chức thẩm định đề án mở ngành, chương trình đào tạo mới của cơ sở đào tạo và trình Giám đốc ĐHTN phê duyệt.

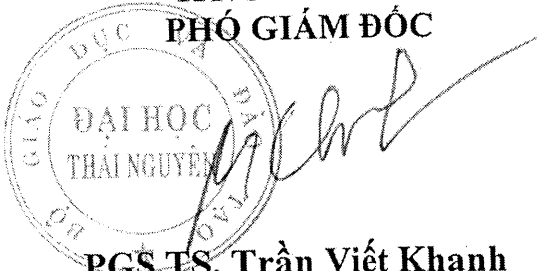
2. Phòng đào tạo/tổ đào tạo là đầu mối hướng dẫn phát triển chương trình đào tạo và tổ chức nghiệm thu chương trình đào tạo tại các cơ sở đào tạo.

3. Hằng năm các cơ sở đào tạo xây dựng kế hoạch và hoàn thành công tác rà soát, phát triển chương trình đào tạo của đơn vị mình. Việc phát triển chương trình đào tạo được thực hiện theo Quy định này và Quyết định số 1976/ĐT-ĐHTN ngày

19/9/2017 về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành/chuyên ngành đào tạo; đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành/chuyên ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Giám đốc ĐHTN.

4. Chương trình đào tạo được ban hành là cơ sở pháp lý cho việc triển khai đào tạo tại các cơ sở đào tạo.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Trần Việt Khanh

Phụ lục 1: Ma trận quan hệ chuẩn đầu ra của mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo		Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...	
Kiến thức	Kiến thức cơ bản												
	Kiến thức chính trị, văn hóa, xã hội												
	Kiến thức cơ sở ngành												
	Kiến thức chuyên ngành												
Kỹ năng	Cứng	Vận hành											
		Thiết kế											
		Tổ chức thực hiện											
		Quản lý, điều hành											
												
	Mềm	Phân tích và xử lý thông tin											
		Giải quyết vấn đề											
		Giao tiếp											
		Làm việc theo nhóm											
		Ngoại ngữ											
												
	Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm												

Phụ lục 2: Mẫu phiếu khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

KHOA:

**PHIẾU KHẢO SÁT
NHU CẦU SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC**

Kính gửi:

Thay mặt Khoa, tôi xin gửi tới Quý cơ quan/Ông/Bà lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt trong sự nghiệp của mình.

Nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược của Trường Đại học..... - Đại học Thái Nguyên, giai đoạn 2015-2020, Khoa..... được phân công xây dựng/phát triển Chương trình đào tạo, chúng tôi xin trình bày sơ lược một số điểm của chương trình đào tạo này như sau:

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Mục tiêu của chương trình là

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức

Cung cấp các kiến thức cơ bản về

Kỹ năng

- Chuyên ngành:

- Giao tiếp: ...

- Làm việc theo nhóm: ...

- Ngoại ngữ:...

.....

Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn...(Theo quy định tại Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành kèm theo Thông tư này quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ)

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Người tốt nghiệp chương trình đào tạo có những kiến thức, kỹ năng và năng lực sau:

1.....

2.....

.....
3. Vị trí làm việc (Cơ hội nghề nghiệp/việc làm):

.....
4. Bậc đào tạo (trình độ đào tạo): Đại học

5. Thời gian đào tạo và tổng số tín chỉ:

- Thời gian đào tạo: năm

- Tổng số tín chỉ: tín chỉ

Tôi rất mong Quý cơ quan/ Ông/Bà vui lòng đóng góp ý kiến theo hướng dẫn sau và gửi phiếu này về cho chúng tôi theo địa chỉ:

Thái Nguyên, ngày.....tháng.....năm.....

TRƯỞNG KHOA

Phụ lục phiếu khảo sát đính kèm

1. Nhu cầu của Quý cơ quan về nguồn nhân lực được đào tạo theo bậc và ngành đại học nói trên:

- Nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực này:

.....

- Quy mô tuyển dụng nhân sự (chỉ trả lời nếu có nhu cầu tuyển dụng):

Nhu cầu nhân lực	01-05	06-10	11-20	20-50	Trên 50
Năm tới					
2-5 năm tới					
Trên 05 năm tới					

Không có nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực này:

.....

Lý do tuyển dụng hoặc không tuyển dụng nguồn nhân lực nói trên:

.....

.....

2. Những ý kiến đóng góp về yêu cầu năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp:

- Mục tiêu đào tạo:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ lục 3: Mẫu phiếu điều tra về khung chương trình

(Dành cho Khung chương trình nâng cấp hoặc khung chương trình được xây dựng mới dự kiến để đánh giá khối lượng, nội dung và trình độ kiến thức, kỹ năng cần có của sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo)

1. Dưới đây là khung chương trình dự kiến của ngành thuộc..... (Cơ sở đào tạo). Theo Quý Ông/Bà:

1.1. Những học phần này có cần thiết để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp/tổ chức về kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức làm việc không? (1) *Không cần thiết* - (2) *Ít cần thiết* - (3) *Bình thường* - (4) *Cần thiết* - (5) *Rất cần thiết*.

1.2. Số tín chỉ của các học phần có hợp lý không? (1) *Quá ít* - (2) *Ít* - (3) *Hợp lý* - (4) *Nhiều* - (5) *Quá nhiều*. Nếu chưa hợp lý, Quý ông/bà kiến nghị số đơn vị học trình cho các học phần đó là bao nhiêu?

	Học phần	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết	Mức độ hợp lý của số tín chỉ	Kiến nghị số tín chỉ
I.	Khối kiến thức chung của ĐHTN				
1	Học phần 1....	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
2	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
II	Khối kiến thức chung theo lĩnh vực				
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
III	Khối kiến thức chung của khối				
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
IV	Khối kiến thức chung cho nhóm ngành				
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	

	Học phần	Số tín chỉ	Mức độ cần thiết	Mức độ hợp lý của số tín chỉ	Kiến nghị số tín chỉ
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
V	Khối kiến thức ngành và bổ trợ				
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
...	---	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
VI	Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	...	1 2 3 4 5	1 2 3 4 5	
	Tổng số ĐVHT	...			

2. Theo Quý Ông/Bà, sinh viên tốt nghiệp ngành..... đang (hoặc sẽ) làm việc ở doanh nghiệp/tổ chức của Quý Ông/Bà đã (hoặc cần) lĩnh hội kiến thức từ các học phần trong chương trình đào tạo ở mức độ nào? (Khoanh tròn vào mức độ lựa chọn, có thể khoanh ở nhiều mức).

- (1) Biết (2) Hiểu (3) Áp dụng linh hoạt
(4) Phân tích và tổng hợp (5) Đánh giá và sáng tạo

3. Theo Ông/Bà, nên bổ sung học phần nào dưới đây vào khung chương trình ngành..... (khoanh tròn vào phương án lựa chọn)?

STT	Học phần	Lựa chọn	
		1. Nên bổ sung -	2. Không nên bổ sung
1	Học phần 1	1	2
2	1	2
....	1	2

Phụ lục 4: Xây dựng ma trận quan hệ chuẩn đầu ra và các học phần trong chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Học phần										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...
.....											
.....											
.....											
.....											
.....											

Phu lục 5: Mẫu đề án xây dựng chương trình đào tạo mới

I. Luận cứ xây dựng chương trình đào tạo

- Vai trò, ý nghĩa của ngành đào tạo đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và khoa học - công nghệ.
- Nhu cầu về nhân lực của ngành đào tạo.
- Thực trạng của ngành đào tạo hiện nay ở Việt Nam nói chung và ở đơn vị đào tạo nói riêng.

II. Xác định nhu cầu xã hội

III. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam

- Thế giới:
 - Tình hình đào tạo
 - Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới. Thống kê khoảng 5 khung chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) ngành dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành ...

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web

- Việt Nam
 - Tình hình đào tạo
 - Nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu về nguồn nhân lực tại địa bàn tuyển sinh đối với ngành, chuyên ngành mở mới.
 - Thu thập và đánh giá một số khung chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. Thống kê khoảng 5 khung chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) ngành dự kiến xây dựng trên cơ sở bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành ...

STT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web

- Chương trình đào tạo của trường đại học có uy tín ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị:

IV. Tuyển sinh:

- Đối tượng dự thi:
- Tổ hợp môn xét tuyển:
- Kế hoạch tuyển sinh:

V. Điều kiện tổ chức đào tạo của đơn vị liên quan đến ngành đào tạo:

- Đội ngũ cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình: Số giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng, số giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, cử nhân.
- Cơ sở vật chất: Giảng đường (số lượng, diện tích), phòng thí nghiệm (tên, diện tích, trang thiết bị, ...), các cơ sở thực tập, thực tế, thư viện, học liệu, trang thiết bị, phương tiện giảng dạy).
- Các hợp tác, liên kết về đào tạo, NCKH liên quan.

VI. Chương trình đào tạo

6.1. Tên ngành (tiếng Việt và tiếng Anh)

6.2. Tên chương trình đào tạo

6.3. Hệ đào tạo

6.4. Danh hiệu tốt nghiệp (kỹ sư, cử nhân)

6.5. Thời gian đào tạo

6.6. Đơn vị đào tạo

6.7. Mục tiêu đào tạo:

6.7.1. Mục tiêu chung

6.7.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức
- Kỹ năng gồm: Kỹ năng cứng và kỹ năng mềm
- Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm
- Định hướng nghề nghiệp

6.8. Chuẩn đầu ra

6.9. Nội dung đào tạo

6.8.1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy

- Khối kiến thức chung trong ĐHTN:
- Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:
- Khối kiến thức chung theo khối ngành
- Khối kiến thức chung của khối ngành:
- Khối kiến thức chung của nhóm ngành:
- Khối kiến thức ngành và bổ trợ:
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:

6.8.2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khối kiến thức chung					
1							
2							
...							
II		Khối kiến thức chung theo lĩnh vực					
....							
....							
III		Khối kiến thức chung của khối ngành					
III.1		<i>Các học phần bắt buộc</i>					
...							
...							
IV		Khối kiến thức của nhóm ngành					

IV.1		Các học phần bắt buộc							
...									

IV.2		Các học phần tự chọn							
....									
....									
V		Khối kiến thức ngành và bổ trợ							
...									
...									
VI		Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp							
Tổng số									

6.8.3. Xây dựng ma trận chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và học phần

Chuẩn đầu ra của học phần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	...
Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo											
.....											
.....											
.....											
.....											

6.8.4. Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học (để cho sinh viên tham khảo)

Năm thứ nhất			
Học kỳ 1		Học kỳ 2	
Học phần và mã học phần	Số tín chỉ	Học phần và mã học phần	Số tín chỉ
- Bắt buộc + Học phần 1	- Bắt buộc + Học phần 1
.....
- Tự chọn + Học phần 1	- Tự chọn + Học phần 1
.....
	<u>Tổng TC</u>		<u>Tổng TC</u>



Năm thứ hai			
Học kỳ 1		Học kỳ 2	
Học phần và mã học phần	Số tín chỉ	Học phần và mã học phần	Số tín chỉ
- Bắt buộc + Học phần 1	- Bắt buộc + Học phần 1
.....
- Tự chọn + Học phần 1	- Tự chọn + Học phần 1
.....
	<u>Tổng TC</u>		<u>Tổng TC</u>



Năm thứ năm			
Học kỳ 1		Học kỳ 2	
Học phần và mã học phần	Số tín chỉ	Học phần và mã học phần	Số tín chỉ
- Bắt buộc + Học phần 1	- Bắt buộc + Học phần 1
.....
- Tự chọn + Học phần 1	- Tự chọn + Học phần 1
.....
	<u>Tổng TC</u>		<u>Tổng TC</u>



VII. Tóm tắt nội dung học phần:

Mỗi môn học tóm tắt theo mẫu sau:

- Số thứ tự, mã số học phần, tên học phần bằng Tiếng Việt, số tín chỉ
- Học phần tiên quyết: Mã số học phần và tên học phần tiên quyết)
- Tóm tắt nội dung học phần

VIII. Đề cương chi tiết học phần

- Tên gọi học phần
- Các yêu cầu của học phần đơn cử như điều kiện tiên quyết khi đăng ký học phần, tín chỉ...
- Những kết quả học tập mong đợi/chuẩn đầu ra của học phần về kiến thức, kỹ năng và thái độ
- Các phương pháp dạy, học, và kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần
- Mô tả học phần và đề cương học phần
- Thông tin chi tiết về kiểm tra đánh giá người học
- Thời điểm xây dựng hoặc hiệu chỉnh bản mô tả chi tiết học phần

TRƯỜNG.....

KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần:

Mã học phần:

1. Thông tin chung về học phần

- Số tín chỉ: Loại học phần: (bắt buộc, tự chọn)
- Các học phần tiên quyết:
- Học phần học trước:
- Các học phần song hành:
- Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):
- Bộ môn (Khoa) phụ trách học phần:
- Số tiết quy định đối với các hoạt động:

+ Nghe giảng lý thuyết : tiết

+ Thảo luận : tiết

+ Làm bài tập : tiết

+ Thực hành, thí nghiệm: tiết

+ Hoạt động theo nhóm : tiết

+ Tự học : giờ

+ Bài tập lớn(tiểu luận): giờ

+ Tự học có hướng dẫn : giờ

2. Thông tin chung về các giảng viên

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1	TS. Nguyễn Văn A		mail@tnu.edu.vn	
2				
....				

3. Mô tả tóm tắt nội dung học phần, mục tiêu của học phần: (Ít nhất 150 từ)

Trình bày ngắn gọn vai trò, vị trí học phần, kiến thức sẽ trang bị cho sinh viên, quan hệ với các học phần khác trong chương trình đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra học phân:

Gợi ý các động từ thường dùng để xây dựng chuẩn đầu ra theo thang đo nhận thức của Bloom 2001

Định nghĩa	I. Nhớ	II. Hiểu biết	III. Ứng dụng	IV. Phân tích	V. Đánh giá	VI. Sáng tạo
Định nghĩa của Bloom	Thể hiện sự ghi nhớ những tài liệu đã học bằng các sự kiện, các điều khoản, các khái niệm cơ bản, và trả lời.	Thể hiện sự hiểu các sự kiện và ý tưởng bằng cách sắp xếp, so sánh, biên dịch, phiên dịch, mô tả và phát biểu những ý chính.	Giải quyết vấn đề của các tình huống mới bằng cách ứng dụng những kiến thức, kỹ năng đã học để đạt được bằng cách mới.	Kiểm tra và chia nhỏ thông tin thành nhiều phần bằng cách xác định các động cơ và nguyên nhân. Suy luận và tìm chứng cứ để hỗ trợ cho sự tổng hợp.	Trình bày và bảo vệ ý kiến bằng cách phê bình thông tin, tính hiệu lực của những ý tưởng, hoặc chất lượng của công việc dựa trên một loạt các tiêu chuẩn.	Sưu tập thông tin lại với nhau theo cách khác bằng cách kết hợp những yếu tố theo một kiểu mẫu khác hoặc đề xuất các giải pháp thay thế.
Động từ	<ul style="list-style-type: none"> • Chọn • Định nghĩa • Tìm thấy • Như thế nào • Dán nhãn • Liệt kê • Kết hợp • Đặt tên • Loại trừ • Gọi nhớ • Liên quan • Lựa chọn • Thể hiện • Đánh vắn 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân loại • So sánh • Đối chiếu • Chứng minh • Giải thích • Mở rộng • Minh chứng • Suy luận • Phác thảo đề cương • Liên quan • Viết lại • Thể hiện • Tóm tắt 	<ul style="list-style-type: none"> • Ứng dụng • Tạo dựng • Chọn • Xây dựng • Phát triển • Thí nghiệm • Xác định • Phòng vấn • Lợi dụng • Làm mẫu • Sắp xếp • Lên kế hoạch • Lựa chọn • Giải quyết • Sử dụng 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân tích • Tạo giả thuyết • Phân loại • So sánh • Kết luận • Đối chiếu • Phát hiện • Phân chia • Phân biệt • Chia ra • Kiểm tra • Thực hiện chức năng • Suy luận • Quan sát 	<ul style="list-style-type: none"> • Đồng ý • Khen ngợi • Tiếp cận • Thương • Chọn • So sánh • Kết luận • Tiêu chuẩn • Phê phán • Quyết định • Khẩu trừ • Bảo vệ • Xác định • Bác bỏ 	<ul style="list-style-type: none"> • Thích nghi • Tạo dựng • Thay đổi • Chọn • Kết hợp • Sưu tập • Tạo ra • Xây dựng • Sáng tạo • Xoá bỏ • Thiết kế • Phát triển • Thảo luận • Trau chuốt

<ul style="list-style-type: none"> • Kê ra • Cái gì • Khi nào • Ở đâu • Tại sao • Ai 	<ul style="list-style-type: none"> • Biên dịch 		<ul style="list-style-type: none"> • Liệt kê • Tạo động cơ • Quan hệ • Làm đơn giản • Khảo sát • Tham gia vào • Kiểm chứng • Tạo chủ đề 	<ul style="list-style-type: none"> • Ước lượng • Đánh giá • Quan trọng • Ảnh hưởng • Diễn giải • Phán xét • Điều chỉnh • Đánh dấu • Đo lường • Ý kiến • Nhận thức • Ưu tiên • Chứng minh • Ước lượng • Đề xuất • Qui định • Lựa chọn • Hỗ trợ • Giá trị 	<ul style="list-style-type: none"> • Ước lượng • Đưa vào công thức • Xây ra • Tương tượng • Cải thiện • Phát minh • Bù đắp • Khuếch cực đại • Cực tiểu hoá • Điều chỉnh • Góc • Khởi đầu • Hoạch định • Dự đoán • Đề xuất • Giải pháp • Giải quyết • Cho rằng • Thử nghiệm • Lý thuyết
--	---	--	---	--	--

Anderson, L. W., & Krathwohl, D. R. (2001). A taxonomy for learning, teaching, and assessing, Abridged Edition. Boston, MA: Allyn and Bacon.

5. Học liệu

+ Tài liệu học tập chính: ghi rõ tên sách, giáo trình (1 đến 3 tài liệu).

+ Tài liệu tham khảo: ghi rõ những sách, tạp chí và tư liệu thông tin liên quan đến học phần (ít nhất 4 tài liệu).

Chú ý:

- Với những môn học đặc biệt mà chưa có giáo trình chính do chưa kịp cập nhật và xuất bản (ví dụ, một số môn công nghệ cao,...), có thể thay giáo trình chính bằng tập bài giảng nhưng phải có sự phê duyệt của thủ trưởng cơ sở đào tạo sau khi đã thông qua hội đồng khoa học giáo dục cấp Khoa.

- Tài liệu tham khảo phải ghi đủ tên tài liệu, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản, đường dẫn của các website....

6. Nhiệm vụ của sinh viên

6.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 80\%$ tổng số thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao trong sách bài tập.

6.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của môn học;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

6.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;
- Yêu cầu cần đạt.

6.4. Phần khác (nếu có)

Ví dụ như tham quan thực tế

7. Phương pháp kiểm tra đánh giá sinh viên và thang điểm

- Các phương pháp dạy, học, và kiểm tra đánh giá giúp đạt được và thể hiện, đánh giá được các kết quả học tập của học phần
- Làm rõ thang điểm, tiêu chí đánh giá và mô tả mức đạt được điểm số- Điểm đánh giá bộ phận chấm theo thang điểm 10 với trọng số như sau:
 - + Thảo luận, bài tập: (a)
 - + Kiểm tra giữa học phần: (b)

- + Chuyên cần: (c)
- + Thí nghiệm, thực hành (nếu có): (d)
- + Bài tập lớn, tiểu luận(nếu có): (e)
- + Điểm thi kết thúc học phần: (f).
- + Hình thức thi (vấn đáp, thi viết tự luận hoặc trắc nghiệm):
- Điểm học phần: Là điểm trung bình chung có trọng số của các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần làm tròn đến một chữ số thập phân.

Chú ý:

$$+ f = 1 - (a+b+c+d+e) \text{ và } f \geq 0.5$$

+ Tùy theo đặc điểm của môn học và của chuyên ngành đào tạo, Thí nghiệm, thực hành có thể tách thành một học phần riêng và đánh giá điểm độc lập.

8. Nội dung chi tiết học phần

8.1. Nội dung về lý thuyết và thảo luận

Trình bày các chương, mục trong chương. Trong từng chương ghi tổng số tiết; số tiết giảng lý thuyết, bài tập, thảo luận.

Chương 1:

(Tổng số tiết:.....; Số tiết lý thuyết:.....; Số tiết bài tập,Thảo luận:

1.1

1.1.1.....

1.1.2.....

1.2

.....

Chương 2:

(Tổng số tiết:.....; Số tiết lý thuyết:.....; Số tiết bài tập,Thảo luận:

2.1

2.1.1.....

2.1.2.....

2.2

.....

8.2. Nội dung về thực hành, thí nghiệm

Nội dung này có thể viết thành đề cương riêng

8.3. Nội dung về bài tập lớn, tiểu luận

Nội dung này có thể viết thành đề cương riêng

IX. Danh mục học liệu (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình):

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Tên sách	Tác giả	NXB	Năm xuất bản

X. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình):

TT	Mã HP	Tên HP	Số TC	Cán bộ giảng dạy				
				Họ tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành ĐT	Giảng dạy bằng Tiếng Anh	Đơn vị công tác

XI. Bảng đối chiếu, so sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài và chương trình đào tạo trong nước (đã sử dụng để xây dựng chương trình)

TT	Học phần trong chương trình đào tạo (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong khung chương trình đào tạo đã sử dụng để xây dựng học phần	Phần trăm nội dung giống nhau
(1)	(2)	(3)	(4)
1.			
2.			

II. Tài liệu tham khảo:

- Khung chương trình đào tạo của trường đại học nước ngoài được sử dụng để tham khảo xây dựng chương trình đào tạo (tên học phần, thời lượng, tóm tắt nội dung học phần).
- Khung chương trình đào tạo hiện hành của ngành đào tạo dự kiến mở của một số trường đại học uy tín trong nước (ít nhất có 2 chương trình tham khảo).
- Các tài liệu liên quan khác.